

Môn: Ung thư

Giám thị 1

Giám thị 2

Đối tượng: Y đa khoa - Y TN - TNB

Thời gian làm bài: 40 phút

Họ tên:

Ngày thi: Địa điểm thi:

Mã đề: 111

Số câu trả lời đúng	Số điểm	Người chấm

Câu 1. Phát biểu nào sau đây về Ung thư tuyến giáp là sai:

- A. Ung thư tuyến giáp là loại ung thư có tiên lượng tốt **Như 80%**
- B. Tiên lượng sống còn 10 năm > 90 %
- ☒ C. Carcinôm tuyến giáp dạng nang là loại giải phẫu bệnh thường gặp nhất
- D. Phẫu thuật là điều trị chính yếu

Câu 2. Câu nào sau đây đúng về Ung thư tuyến giáp:

- A. Không bao giờ gặp ở trẻ em
- ☒ B. Lý do nhập viện thường gặp là khối vùng cổ không đau
- C. Thường đã có di căn xa tại thời điểm chẩn đoán
- D. Nam thường gặp hơn nữ **Nữ nhiều hơn**

Câu 3. Đặc điểm siêu âm nào sau đây gợi ý bướu giáp ác tính:

- A. Vi vôi hóa
- B. Bờ không đều
- C. Echo kém
- D. A và C đúng
- ☒ E. Tất cả đều đúng



E. Bắt đầu điều trị ngay

Câu 8. Bà B, 45 tuổi, đến khám bệnh với kết quả siêu âm gợi ý K giáp đa ổ hai thùy, tiền căn bản thân chưa ghi nhận bất thường. Kết quả FNA gợi ý Carcinôm tuyến giáp dạng tủy. Chọn câu đúng.

- A. Carcinôm tuyến giáp dạng tủy là loại ung thư xuất phát từ tế bào cận nang thuộc tuyến giáp
- B. Cần hỏi thêm tiền căn gia đình
- C. Đây là loại ung thư xuất phát từ tủy xương và di căn đến tuyến giáp
- D. A và C đúng
- ☒ E. A và B đúng

Câu 9. Bà B cho biết mẹ bà từng được chẩn đoán ung thư tuyến giáp và mất đã lâu nhưng không rõ loại gì. Bà có thắc mắc liệu bệnh lý này có di truyền không? Chọn câu đúng.

- A. Ung thư tuyến giáp không liên quan di truyền
- B. Carcinôm tuyến giáp dạng tủy chắc chắn có liên quan di truyền
- ☒ C. Carcinôm tuyến giáp dạng tủy có thể do di truyền hoặc đơn độc **25% di truyền**
- D. Cần cắt giáp dự phòng cho những người còn lại trong gia đình nếu có một người thân trực hệ bị carcinôm tuyến giáp dạng tủy.
- E. Tuyến giáp là một tuyến nội tiết và ung thư tuyến giáp phần lớn có liên quan đến hội chứng đa bướu tuyến nội tiết, thường mang tính di truyền

Câu 10. Nguyên nhân nào sau đây được cho là quan trọng nhất gây nên ung thư:

- ☒ A. Đột biến gen
- B. Bộ gen mất ổn định
- C. Mật độ hợp tử của nhiễm sắc Thể
- D. a và b đúng
- E. a và c đúng

Câu 11. Đột biến gen sinh ung thư có thể do các nguyên nhân sau, chọn câu sai:

- A. vi rút
- B. Hoá chất
- ☒ C. Sóng điện thoại di động

D. Bức xạ UV-B

E. Bức xạ UV-C

UV nào cũng gây ung thư

Câu 12. Loại vi rút nào sau đây không gây ung thư, chọn câu đúng

A. HBV

B. HCV

☒ C. CMV

D. EBV **vòm hầu**

E. HPV

Câu 13. Vi rút sinh u nhú (HPV) có khả năng gây ung thư cổ tử cung thuộc type nào sau đây, chọn câu đúng

A. Type 16

B. Type 11

C. Type 18

D. a và b đúng

☒ E. b và c đúng

Câu 14. Gen sinh ung (oncogene) và gen ức chế bướu (tumor suppressor gene), chọn câu đúng:

A. Gen sinh ung quan trọng hơn gen ức chế bướu

B. Gen ức chế bướu quan trọng hơn gen sinh ung

☒ C. Quá trình sinh ung thư có thể do gen ức chế bướu bị bất hoạt

D. Quá trình sinh ung thư có thể do gen sinh ung bị bất hoạt

E. Cơ chế sinh ung do gen còn chưa được xác định rõ.

Câu 15. Gen ức chế bướu nào sau đây thường bị bất hoạt nhất trong ung thư

A. APC

☒ B. p53

~~C. BRCA1~~

D. BRCA2

E. p21

➡ Câu 16. Tính đa dạng của dân số bướu là do cơ chế nào sau đây, chọn câu đúng

~~A. Cơ chế tiến triển clone~~

☒ B. Cơ chế dừng chu trình tế bào

C. Cơ chế thực bào

D. Cơ chế apoptosis

E. Cơ chế còn chưa rõ.

**Bướu nhiều tb
Mỗi tb lại tiếp tục
bị đột biến, phân
chia tạo ra nhiều
dòng (clone) khác
nhau**

➡ Câu 17. Cơ chế EMT (epithelial mesenchymal transition) trong ung thư, chọn câu sai

☒ A. Tế bào trung mô chuyển dạng thành tế bào biểu mô

B. Tế bào biểu mô chuyển dạng thành tế bào trung mô

C. Giúp tế bào ung thư chuyển động và di căn

D. Góp phần tăng tính ác tính của tế bào ung thư

E. Góp phần tăng tính đa dạng của dân số tế bào bướu

Câu 18. Phát biểu nào sau đây về ung thư vú là đúng:

~~A. Là loại ung thư có tiên lượng xấu, tử vong đứng thứ 2 sau ung thư phổi~~

B. Xuất độ 1/10 phụ nữ mắc trong suốt đời **1/8**

☒ C. 1/3 BN ung thư vú chết vì bệnh này

D. Đây là loại ung thư có thể phòng ngừa - tầm soát- phát hiện sớm và điều trị tốt

Câu 19. Các yếu tố nguy cơ của ung thư vú, chọn câu đúng:

A. Béo phì, dùng nội tiết tố thay thế, mãn kinh sớm ~~mãn kinh muộn~~

B. Tiền căn gia đình có mẹ, chị, em gái bị ung thư vú là yếu tố nguy cơ chính

ứng vị trí này với kết quả là tổn thương lành tính. Bước xử trí tiếp theo thích hợp trên bệnh nhân này?

- A. Chụp MRI vú 2 bên.
- B. Chụp nhũ ảnh 2 bên
- ☒ C. Sinh thiết trọn sang thương
- D. Sinh thiết lõi kim sang thương

Câu 30. Các yếu tố nào sau đây được xem là yếu tố thuận lợi của ung thư cổ tử cung

- A. Có mẹ ruột bị ung thư cổ tử cung
- ☒ B. Quan hệ tình dục với nhiều người
- C. Lập gia đình muộn
- D. Không có con
- E. Béo phì

Câu 31. Phát biểu nào sau đây về ung thư cổ tử cung là sai?

- A. Đây là một trong những ung thư hàng đầu ở nữ giới
- B. Nguyên nhân là nhiễm HPV type nguy cơ cao
- ☒ C. Đây là loại ung thư khó phát hiện và tầm soát
- D. Đây là loại ung thư có thể phòng ngừa - tầm soát

Câu 32. Phân chia mức độ tân sinh trong biểu mô cổ tử cung (CIN) dựa vào:

- A. Độ sâu xâm lấn của tổn thương xuống màng đáy **từ màng đáy lên**
- ☒ B. Tỷ lệ độ dày tổn thương so với chiều dày lớp biểu mô
- C. Mức độ biệt hóa của các tế bào tổn thương
- D. Kích thước của tổn thương
- ☒ E. Câu A và B đúng

Câu 33. Tổn thương tiền ung thư cổ tử cung:

- ☒ A. Thường diễn tiến thành ung thư xâm lấn trong vòng 3-5 năm nếu không điều trị **tùy CIN và cũng cần trên 10 năm**
- B. Lan đến các túi cùng âm đạo thường gặp
- ☒ C. Có thể tự thoái triển trong một số trường hợp
- D. Chỉ gặp ở ung thư cổ tử cung dạng tế bào gai **gai 8 tuyến 2**
- E. Câu A và C đúng

Câu 34. Diễn tiến của ung thư cổ tử cung, chọn câu đúng:

- A. Lan vào trực tràng gặp ở giai đoạn trễ vì trực tràng nằm xa cổ tử cung
- B. Lan các túi cùng âm đạo thường gặp nhưng khó đánh giá trên lâm sàng
- ☒ C. Lan chu cung nguy hiểm vì có thể gây suy thận dẫn đến tử vong
- D. Lan lên thân tử cung dễ dàng phát hiện trên lâm sàng bằng đánh giá kích thước thân tử cung

Câu 35. Di căn hạch của ung thư cổ tử cung, chọn câu đúng:

- ☒ A. Thường gặp nhất là hạch chậu ngoài và chậu trong
- B. Rất hiếm gặp, chỉ gặp ở giai đoạn trễ
- C. Di căn hạch chậu chung được xem là di căn xa **hạch trên đòn/ bẹn mới xa**
- D. Chỉ có thể xác định được bằng phẫu thuật sinh thiết hạch

Câu 36. Khám lâm sàng ung thư cổ tử cung, chọn câu đúng:

- A. Khám bằng mỏ vịt giúp đánh giá xâm lấn lên thân tử cung
- B. Khám chu cung bằng 2 tay: 1 tay trong âm đạo kết hợp với 1 tay ở thành bụng
- ☒ C. Có thể phát hiện được dò bằng quang âm đạo
- D. Chỉ có thể đánh giá được chu cung khi khám dưới gây mê
- E. Câu C và D đúng

Câu 37. Phương tiện chủ yếu dùng để tầm soát ung thư cổ tử cung hiện nay là:

- A. Khám phụ khoa lâm sàng
- ☒ B. Xét nghiệm Pap
- C. Xét nghiệm DNA của HPV
- D. Nhìn trực tiếp cổ tử cung với acid acetic (VIA)
- E. Soi cổ tử cung

Câu 38. Tần sinh trong biểu mô cổ tử cung độ 1 (CIN1) có nguy cơ diễn tiến thành ung thư cổ tử cung xâm lấn sau 10 năm là:

- A. 5%
- ☒ B. 10%
- C. 15%
- D. 20%

Câu 39. Tần sinh trong biểu mô cổ tử cung độ 3 (CIN3) có nguy cơ diễn tiến thành ung thư cổ tử cung xâm lấn sau 10 năm:

- ☒ A. 30%
- B. 45%

- B. Phụ nữ vô sinh, không lập gia đình
- C. Quan hệ tình dục với nhiều người
- D. Nhiễm HPV các tip nguy cơ cao
- E. Câu A và B đúng

Câu 46. Phần lớn ung thư nội mạc tử cung xuất phát từ:

- A. Vùng chuyển tiếp
- B. Vùng eo tử cung
- C. Thành trước tử cung
- ☒ D. Dày tử cung
- E. Câu C và D đúng

Câu 47. Yếu tố nguy cơ của ung thư nội mạc tử cung:

- A. Viêm nhiễm phụ khoa
- B. Nhiễm HPV
- ☒ C. Dùng nội tiết thay thế kéo dài sau mãn kinh
- D. Cường giáp
- E. Câu A và C đúng

Câu 48. Tăng sản không điển hình nặng của nội mạc tử cung có nguy cơ diễn tiến thành ung thư xâm lấn:

- ☒ A. 25%
- B. 50%
- C. 60%
- D. 70%

Câu 49. Câu nào đúng trong các câu sau đây khi phát biểu về vấn đề tầm soát ung thư cổ tử cung, ngoại trừ:

- A. Bắt đầu tầm soát sau khi lập gia đình và ngưng tầm soát sau 65 tuổi
- B. Từ 30-65 tuổi thì làm tế bào học Pap mỗi 3 năm hay tầm soát bằng HPV.
- C. Pap mỗi 5 năm
- ☒ D. Thử nghiệm Pap an toàn, dễ thực hiện, không đắt tiền, không gây khó chịu.
- ☒ E. Đã chứng minh có giảm tần suất và tử suất UTCTC

Câu 50. Loại giải phẫu bệnh thường gặp nhất của ung thư nội mạc tử cung là:

- ☒ A. Carcinôm tuyến dạng nội mạc, biệt hóa cao đến trung bình
- B. Carcinôm tuyến dạng nội mạc, biệt hóa kém
- ☒ C. Carcinôm tế bào gai, biệt hóa cao đến trung bình
- D. Carcinôm tuyến dạng nhú

Câu 51. Trong các loại giải phẫu bệnh của ung thư phổi không tế bào nhỏ, loại nào thường gặp nhất?

- A. Carcinôm tế bào gai
- ☒ B. Carcinôm tuyến
- C. Carcinôm gai-tuyến
- D. Carcinôm tế bào lớn

Câu 52. Phương pháp điều trị chủ yếu trong ung thư phổi tế bào nhỏ, chọn câu đúng:

- ☒ A. Hóa trị
- B. Xạ trị
- C. Liệu pháp nhắm trúng đích
- D. Phẫu thuật
- E. Tất cả các phương pháp trên

Câu 53. Vị trí hạch lymphô nào sau đây được xem là di căn xa trong ung thư phổi, chọn câu đúng:

- A. Hạch rốn phổi
- B. Hạch trung thất
- C. Hạch trên đòn cùng bên
- ☒ D. Hạch nách
- E. Tất cả đều sai

Câu 54. Triệu chứng nào sau đây đặc hiệu cho ung thư phổi, chọn câu đúng:

- A. Ho ra máu
- B. Đau ngực
- C. Khó thở
- D. Ho kéo dài
- ☒ E. Tất cả đều sai

- Ho và đau ngực là triệu chứng thường gặp

- Không có cái nào ĐẶC HIỆU cả



Câu 55. BN nam, 52 tuổi, nhập viện vì ho ra máu. Tiền căn hút thuốc lá 30 gói/năm, các tiền căn khác chưa ghi nhận bất thường. Khám lâm sàng: Sinh hiệu ổn, hiện ho ra máu tạm ổn, không khó thở, không ghi nhận triệu chứng đặc hiệu nào. Phương tiện hình ảnh nào nên được thực hiện đầu tiên trên bệnh nhân này:

- A. Nội soi tai mũi họng
- B. Nội soi phế quản
- ☒ C. X-quang ngực thẳng
- D. Ct-scan ngực
- E. MRI ngực

B. Hội chứng tăng áp lực tĩnh mạch cửa do xơ gan như lịch sử, bụng sưng, xuất huyết tiêu hóa

C. Hội chứng tắc mật ngoài gan gây ngứa, vàng da, vàng mắt

D. Triệu chứng toàn thân như mệt mỏi, ăn kém và sụt cân

E. Tất cả các câu trên đều đúng

Đáp án: Có thể phòng ngừa ung thư gan nguyên phát bằng các cách sau đây, chọn

đáp án chính xác:

A. Tiêm ngừa viêm gan siêu vi B thường qui cho trẻ sơ sinh

B. Tránh dùng thức ăn từ ngũ cốc bị hư hỏng nhiễm nấm mốc

C. Điều trị tích cực tình trạng viêm gan B, C mạn

D. Hạn chế rượu, bia

E. Tất cả đều đúng

Đáp án: Các phát biểu sau đây về ung thư thực quản là đúng, ngoại trừ:

A. Ung thư thực quản là loại có tiên lượng xấu nhất trong ung thư đường tiêu hóa

B. Xuất độ mắc bệnh giảm theo tình trạng giảm hút thuốc lá và uống rượu

C. Bệnh thường phát hiện trễ, điều trị khó khăn và hiệu quả kém

D. Triệu chứng bệnh nhân thường đến khám vì nuốt khó

E. Không đặc hiệu theo thực ăn

Đáp án: 64. Bệnh nhân nam, 50 tuổi, cách đây 1 năm, bệnh nhân đi cầu ra máu, được

chẩn đoán bệnh trĩ, điều trị nội khoa có hiệu quả. Trong 2 tháng này, bệnh nhân đi

cầu ra máu trở lại, không một rắn nên đến khám tại bệnh viện. Bác sĩ thăm khám

trực tràng bằng ngón tay phát hiện bệnh trĩ ở vị trí 7 giờ và 12 giờ, nút găng có máu.

Phát biểu nào sau đây là đúng:

A. Máu theo găng là triệu chứng quan trọng

B. Do khám hậu môn trực tràng sờ thấy bệnh trĩ nên chắc chắn ăn này tiêu ra

máu là do trĩ

C. Khám hậu môn trực tràng không sờ thấy bướu nên có thể loại trừ bướu tử

trực tràng

D. Câu A và C đúng

Đáp án: Câu 65. Xử lý tiếp theo phù hợp trên bệnh nhân này là:

A. Bệnh nhân này bị trĩ, tiếp tục điều trị nội khoa như lần trước.

B. Chụp CT- scan bụng chậu có cản quang.

C. Nội soi đại trực tràng bằng ống mềm

D. Xét nghiệm phân tìm ký sinh trùng đường ruột.

E. Siêu âm bụng chậu.

Đáp án: Câu 66. Ngoài ung thư phổi, hút thuốc lá có thể gây ung thư:

A. Thực quản

B. Ung thư bàng quang

C. Ung thư tụy

Đừng hút thuốc lá nhá :)))

☒ D. Tất cả các câu trên đều đúng
Câu 67. Vị trí hạch thường bị di căn nhất trong ung thư tinh hoàn:

- A. Hạch bẹn nông
- B. Hạch bẹn sâu
- C. Hạch chậu

☒ D. Hạch cạnh động mạch chủ bụng
Câu 68. Phương tiện nên được sử dụng để khảo sát giai đoạn bệnh khối u ở tinh hoàn:

- A. FNA buồng tinh hoàn
- B. Mô sinh thiết tinh hoàn qua ngã bìu
- ☒ C. Mô sinh thiết trọn tinh hoàn qua ngã bìu
- D. Tất cả các câu trên đều đúng

Câu 69. Bệnh nhân nam 75 tuổi nhập viện vì vết loét không lành ở mắt 2 năm nay. KPS 80. Khám lâm sàng vết loét rãnh mũi môi (T) đường kính 1,5cm giới hạn rõ, bờ gồ cao ngấm sắc tố đen. Tiền căn cao huyết áp đang điều trị. COPD. Phương pháp sinh thiết phù hợp đối với bệnh nhân này là:

- A. Sinh thiết lặn bướu
- ☒ B. Sinh thiết bằng kẽm bầm
- C. Sinh thiết trọn
- D. Sinh thiết bằng kim nhỏ

Câu 70. Kết quả sinh thiết là mô viêm mạn tính. Bước xử trí thích hợp tiếp theo là

- A. Sinh thiết lần hai
- B. Phẫu thuật lấy trọn sang thương
- C. Theo dõi thêm
- ☒ D. A, B đúng

HẾT